

Bản án số: 22 /2026/HS-ST

Ngày: 06/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng và ông Ngô Văn Sang.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hoàn – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Đỗ Xuân L - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với:

* Bị cáo **Phạm Đức C**, giới tính: nam, sinh ngày 01/6/1988; nơi cư trú: thôn 3, xã Vĩnh Am, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 03108800182; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn C1 (đã chết) và bà Đỗ Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: 03. Bản án hình sự sơ thẩm số 43/HSTT ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 06/01/2017 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 30/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án hình sự sơ thẩm số 44/HSTT ngày 26/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản (thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/10/2018); ngày 23/8/2019 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, ngày 05/4/2022 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án hình sự sơ thẩm số 42/HSTT ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày thực hiện hành vi phạm tội 04/4/2023, giá trị tài sản trộm cắp 1.650.000 đồng); ngày 08/11/2023 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 28/6/2024 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 11 ngày 05/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 27/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích. *Bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Hưng Yên. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

* *Bị hại:* + Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Hòa Đồng, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

+ Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Tam Lộng, xã Thụy

Anh, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tăng D, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn Cao Trai, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

+ Ông Phạm Tiến D1, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn An Dân, xã Tây Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

+ Ông Đỗ Hữu M, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Xá Thị, xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị N2, sinh năm 1964; địa chỉ: số 126, đường Nguyễn Công Hoàng, phường An Dương, thành phố Hải Phòng (có đơn đề nghị vắng mặt).

2.3. Người làm chứng:

+ Ông Vũ Trọng H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Hòa Đồng, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Tăng P1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Cao Trai, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Phạm Phú D2, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn An Cúc Tây, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 09/8/2025 đến ngày 20/8/2025, Phạm Đức C đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn các xã: Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Tây Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 09/8/2025, Phạm Đức C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15N1 - 045.57 mang theo 01 cờ lê, 01 kìm cộng lực bỏ vào trong cốp xe đi từ nhà ở thôn 3, xã Vĩnh Am, thành phố Hải Phòng sang xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên mục đích phát hiện nhà nào sơ hở thì vào để trộm cắp tài sản. Khi C đi đến gia đình ông Vũ Trọng H, sinh năm 1986, ở thôn Hoà Đồng, xã Bắc Thụy Anh, C nhìn thấy chiếc máy đào bê tông của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 người cùng thôn với ông H để ở trước cửa nhà. C dựng xe máy ở lề đường, mở cốp xe lấy chiếc cờ lê, đi bộ đến chiếc máy đào bê tông, dùng cờ lê tháo chiếc mô **tô** điện của máy, trị giá chiếc mô tơ 1.100.000 đồng mang ra để lên giá để đồ của xe mô tô và bỏ cờ lê vào trong túi quần. Sau đó C tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về hướng thôn Cao Trai, xã Bắc Thụy Anh thì nhìn thấy bên trái đường có nhà 02 tầng đang xây của ông Nguyễn Tăng P1, sinh năm 1965, ở thôn Cao Trai, xã Bắc Thụy Anh, trước nhà có 01 máy đào bê tông của ông Tăng Văn D, sinh năm 1967 người cùng thôn với ông P1 đang để ở đó. C dừng xe, lấy chiếc cờ lê trong túi quần ra, tháo mô tơ của máy đào bê tông trị giá chiếc mô tơ 1.200.000 đồng mang ra giá để xe rồi điều khiển xe mô tô chở 02 mô tơ trộm cắp về nhà. Khoảng 05 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô chở 02 mô tơ vừa trộm cắp được đi bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của bà Bùi Thị N2, sinh năm 1964, trú tại 126, đường Nguyễn Công Hoàng, phường

An Dương, thành phố Hải Phòng được 1.150.000 đồng. Số tiền này C đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 15/8/2025, Phạm Đức C mang theo cờ lê điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15N1 - 045.57 đi từ nhà sang địa bàn thôn Tam Lộng, xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên thì nhìn thấy 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 17C - 022.00, sơn màu xanh, thùng xe phủ bạt màu xanh của ông Phạm Văn N1, sinh năm 1972 ở thôn Tam Lộng, xã Thụy Anh đỗ ở lề đường bên phải theo chiều từ xã Thụy Hưng đi xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy cũ. C dừng xe, lấy cờ lê đi đến chỗ xe ô tô tháo lấy 01 bình ắc quy không rõ nhãn hiệu, loại 24V, trị giá 1.500.000 đồng mang ra để lên giá để xe rồi điều khiển xe mô tô chở về nhà cất giấu.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ ngày 20/8/2025, Phạm Đức C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15N1 - 045.57 mang theo kìm, cờ lê bỏ vào cốp xe đi về xã Tây Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trục đường xã, C thấy xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH, sơn màu trắng, biển kiểm soát 17H - 636.40 của anh Phạm Tiến D1, sinh năm 1977, ở thôn An Dân, xã Tây Thụy Anh đỗ tại lề đường bên phải theo hướng từ xã Thụy Dân, đi xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy cũ. C dừng xe lấy cờ lê, đi đến bên phải xe, tháo lấy 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 24V của xe ô tô, 02 bình ắc quy xe ô tô có trị giá 3.500.000 đồng rồi bê lên xe mô tô của C. Sau đó C điều khiển xe mô tô đi về hướng xã Bắc Thụy Anh để tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đi đến đường trục thôn An Cúc Tây, xã Bắc Thụy Anh, C nhìn thấy nhà 02 tầng của ông Phạm Phú D2, sinh năm 1972, ở thôn An Cúc Tây, xã Bắc Thụy Anh đang xây, trước cửa nhà có để 01 máy tời vật liệu xây dựng của anh Đỗ Hữu M, sinh năm 1986, ở thôn Xá Thị, xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên. C dừng xe, lấy cờ lê đến tháo mô tơ của máy tời có trị giá 1.200.000 đồng rồi cho lên xe mô tô chở về nhà. Khoảng 05 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô chở 03 bình ắc quy trộm cắp được ngày 15/8/2025 và ngày 20/8/2025 đến bán tại cửa hàng phế liệu của bà Bùi Thị N2 được số tiền 1.200.000 đồng. Còn lại 01 mô tơ C trộm cắp được ngày 20/8/2025 tại thôn An Cúc Tây, xã Bắc Thụy Anh, C cất giấu tại nhà C.

* Bản cáo trạng số 78/CT-VKSKV7 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Các vấn đề khác: Bà Bùi Thị N2, chủ cửa hàng thu mua phế liệu là người đã mua mô tơ, ắc quy của Phạm Đức C vào các ngày 09/8/2025, 20/8/2025. Sau khi mua bà N2 đã bán 03 ắc quy cho người khác, còn lại 02 mô tơ bà N2 đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra. Khi giao dịch mua bán với C, C không nói gì với bà N2 về nguồn gốc của những tài sản trên, bà N2 cũng không biết các tài sản trên do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý bà N2.

* Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản cáo trạng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt

bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho ông Phạm Văn N1 1.500.000 đồng; Phạm Tiến D1 3.500.000 đồng; bà Bùi Thị N2 1.150.000 đồng; ông Đỗ Hữu M, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Tăng D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; tất cả những người này không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 15N1 - 045.57; tịch thu tiêu huỷ 03 chiếc kim, 01 tròng vặn ốc, 01 tua vít, 01 đèn pin đội đầu, 07 cờ lê; trả lại bị cáo 01 căn cước công dân số 031088001182 mang tên Phạm Đức C do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/5/2023.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của bị hại ông Nguyễn Văn N, ông Tăng Văn D, ông Phạm Văn N1, ông Phạm Tiến D1, ông Đỗ Hữu M; Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng; Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2025, số 02/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân xã Bắc Thụy Anh; Biên bản ghi lời khai của ông Vũ Trọng H, ông Nguyễn Tăng P1, ông Phạm Phú D2, bà Bùi Thị N2.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Phạm Đức C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau: Ngày 09/8/2025 C trộm cắp 01 chiếc mô tô máy trộn bê tông trị giá 1.100.000 đồng của ông Nguyễn Văn N, rồi tiếp tục trộm cắp 01 chiếc mô tô máy trộn bê tông trị giá 1.200.000 đồng của ông Tăng Văn D. Ngày 15/8/2025, C trộm cắp

01 bình ắc quy loại 24V của xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 17C – 022.00 trị giá 1.500.000 đồng của ông Phạm Văn N1. Ngày 20/8/2025, C trộm cắp 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 24V của xe ô tô tải biển kiểm soát 17H – 636.40 trị giá 3.500.000 đồng của ông Phạm Tiến D1, sau đó tiếp tục trộm cắp 01 mô tô máy tời trị giá 1.200.000 đồng của ông Đỗ Hữu M. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 8.500.000 đồng.

Ngày 09/8/2025 bị cáo trộm cắp hai lần, mỗi lần giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng tổng giá trị các lần trộm cắp trên 2.000.000 đồng; ngày 20/8/2025, bị cáo trộm cắp hai lần trong đó có một lần giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng tổng giá trị tài sản trộm cắp trên 2.000.000 đồng; đồng thời các hành vi được thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Các lần trộm cắp ngày 09 và 20/8/2025 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó xác định bị cáo phạm tội nhiều lần. Do bản án hình sự sơ thẩm số 44 ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã được áp dụng làm tình tiết tăng nặng “tái phạm”, nay bị cáo lại cố ý phạm tội trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 8.500.000 đồng, trong đó có 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 09 và 20/8/2025 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì không chịu lao động, để thỏa mãn nhu cầu bản thân bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về hành vi xâm phạm sở hữu. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông Phạm Văn N1 1.500.000 đồng; ông Phạm Tiến D1 3.500.000 đồng; bà Bùi Thị N2 1.150.000 đồng. Ông Đỗ Hữu M, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Tăng D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; tất cả những người này không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 15N1 - 045.57 là phương tiện bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

+ 03 chiếc kìm, 01 tròn vật ốc, 01 tua vít, 01 đèn pin đội đầu, 07 cờ lê là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 căn cước công dân số 031088001182 mang tên Phạm Đức C do cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/5/2023, cần trả lại bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức C 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/10/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 15N1 - 045.57 của bị cáo Phạm Đức C.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 chiếc kìm, 01 tròn vật ốc vít, 01 tua vít, 01 đèn pin đội đầu, 07 cờ lê.

+ Trả lại bị cáo Phạm Đức C: 01 căn cước công dân số 031088001182 mang tên Phạm Đức C do cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/5/2023.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Hưng Yên).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Đức C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Đức C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/02/2026. Bị hại ông Phạm Văn N1, ông Phạm Tiến D1, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Tăng D, ông Đỗ Hữu M; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh bà Bùi Thị N2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7 – Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ